| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BỐ TRẠCH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày 27-9-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Thịnh và bà Nguyễn Thùy Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2021/TLST-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Nông Quốc T;** sinh ngày 12 tháng 7 năm 1972 tại huyện C, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được và bà Võ Thị T (chết); chưa có vợ, con; 03 tiền án: Bản án số 21/HSST ngày 24/7/1991 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân"; Bản án số 21/HSST ngày 20/7/1995 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt 48 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" và buộc Nông Quốc T bồi thường công dân số tiền 16.000.000 đồng; Bản án số 76/HSST ngày 27/12/1999 của TAND tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân" và buộc Nông Quốc T bồi thường công dân số tiền 8.928.000 đồng. Đến nay các khoản bồi thường công dân Nông Quốc T chưa thi hành; tiền sự: Không; nhân thân: Từ nhỏ sống với gia đình, được mẹ nuôi ăn học đến lớp 10/12 thì nghỉ học ở nhà. Năm 1987 bị UBND tỉnh Bình Trị Thiên (nay là tỉnh Quảng Bình) ra quyết định đưa đi tập trung giáo dục tại Trường Phổ thông công nông nghiệp Đà Nẵng, thời hạn 02 năm do nhiều lần trộm cắp tài sản công dân; Ngày 24/7/1991 bị TAND huyện Bố Trạch xử phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và

"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân" theo Bản án số 21/HSST, chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn - Bộ Công an, năm 1993 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống; Ngày 20/7/1995 bị TAND huyện Bố Trạch xử phạt 48 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" theo Bản án số 21/HSST, chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn - Bộ Công an, ngày 05/10/1998 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống; Ngày 27/12/1999 bị TAND tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân" theo Bản án số 76/HSST, chấp hành án tại Trại giam An Điền - Bộ Công an, ngày 02/9/2005 được đặc xá trở về địa phương sinh sống; Ngày 17/12/2009 bị Công an thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 200.000 đồng (đã thi hành xong); Ngày 18/01/2011 bị Tòa phúc thẩm TAND tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 (chín) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 03/2011/HSPT, chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn - Bộ Công an, ngày 21/9/2017 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội mới; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2021 cho đến nay. *Có mặt*.

**2. Lương Thị N;** sinh ngày 11 tháng 9 năm 1991 tại huyện N, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T (chết) và bà Lê Thị D; chồng: Diệp Văn C (ly thân từ năm 2011) và 01 con sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2021 cho đến nay. *Có mặt*.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

+ Ông Trần Đức C, sinh năm 1967; địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. *Vắng mặt*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trưa ngày 09/5/2021, vì muốn có ma túy sử dụng nên Nông Quốc T bắt xe bus vào khu vực ngã ba Lộc Đại, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới gặp một thanh niên tên Hồ Tuấn Anh (không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể) để mua của người này 05 viên ma túy (loại hồng phiến) được giấu bên trong một ống nhựa màu hồng với số tiền 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào người rồi bắt xe bus về lại nhà của mình. Đến tối cùng ngày, vì đã hẹn từ trước với Lương Thị N vào chơi nên T cất giấu ma túy vào người rồi điều khiển xe máy BKS 73D1-194.13 ra xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch đón Nhung rồi cả hai thuê phòng nghĩ 304 nhà nghĩ Thanh Tuấn thuộc thôn Tiền

Phong, xã Thanh Trạch, Bố Trạch nghỉ lại. Đến trưa ngày 11/5/2021, trong lúc T đang ngủ tại phòng nghỉ 304 thì N nhìn thấy số ma túy của T giấu trong gói thuốc lá để ở giường nên gọi T dậy cùng sử dụng. Tý lấy 01 chai nhựa có sẵn ở phòng đục lỗ và cuốn tờ giấy vào lỗ chai rồi cùng N sử dụng hết 02 viên ma túy, 03 viên ma túy còn lại T tiếp tục cất giấu dưới gối phòng ngủ. Sau khi sử dụng xong ma túy, T xuống khu vực gara để xe nhà nghỉ Thanh Tuấn lấy xe máy 73D1-194.13 đi mua cơm thì xe hết xăng nên T bắt xe bus quay vào lại thị trấn Hoàn Lão để mượn xe máy của anh Trần Đức C, còn N ở lại phòng nghỉ 304, sau đó nhìn thấy số viên ma túy còn lại của T nên N lấy cất vào túi quần của mình. Sau khi mượn được xe máy BKS 73K2 – 5729 của anh C, T điều khiển xe đi mua cơm rồi quay ra phòng nghỉ 304 nhà nghỉ Thanh Tuấn. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/5/2021, khi T và N đang nghỉ tại phòng 304 thì lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ quả tang trong túi quần bên phải của N đang cất giấu 01 ống nhựa màu hồng, bên trong chứa 03 viên nén dạng tân dược màu hồng, trên bề mặt mỗi viên có chữ ký hiệu "WY" và theo khai nhận của T và N đó là ma túy loại hồng phiến. (BL 91, 93, 112, 118, 126,128, 136).

Tại Kết luận giám định số: 714/QĐ - PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: "Mẫu ký hiệu A gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,311g (Không phẩy ba trăm mười một gam). Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323, danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ - CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ" (BL 98).

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý các vật chứng có liên quan đến vụ án, cụ thể:

+ Trả lại cho Nông Quốc T (Bà Nguyễn Thị H là chị của bị cáo nhận thay): 01 ĐTDĐ nhãn hiệu REALME 7 màu xanh trắng có số IMEL 962949053592437 (bên trong gắn sim điện thoại số 0878.099.111); 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO A53 màu đen có số IMEI 864326055416857 (bên trong gắn sim điện thoại số 0817.348.266 và 0942.459.762); 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nông Quốc T và số tiền 4.500.000 đồng.

+ Trả lại cho Lương Thị N (Bà Lê Thị D là mẹ đẻ bị cáo nhận thay) 01 ĐTDĐ nhãn hiệu IPHONE 6s màu hồng có số IMEL 358570071598766 (bên trong gắn sim điện thoại số 0853.789.579); 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nông Quốc Tý; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lương Thị N và 800.000 đồng.

+ Đối với xe mô tô BKS 73D1- 194.13 có giấy đăng ký xe số 012522 mang tên Trần Thị H đã bán cho chị Nguyễn Thị H (chị gái T) vào năm 2020 và xe máy BKS 73K2 - 5729 có giấy đăng ký xe số K0030566 mang tên Trần Đức C không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên ngày 22/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch đã ra các quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ-CQĐT và số 40/QĐ-CQĐT bằng hình thức trả lại cho các chủ sở hữu.

+ Hiện tại, đang còn tạm giữ 01 phong bì thư dán kín niêm phong số 714/GĐ-PC 09 bên trong chứa khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và 01 chai nhựa đã bị đục lỗ; hiện chưa xử lý (BL 147 đến 150, 153, 163, 164).

Cáo trạng số: 59/CT-VKSBT ngày 11/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lương Thị N và điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Quốc T. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Quốc Tý mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị N mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo vì không có căn cứ. Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy hoàn lại sau giám định và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như bản cáo trạng đã truy tố và không tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tại phiên tòa. Đồng thời các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người này không gây ảnh hưởng đến việc xét xử, cho nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo đồng nhất với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với tang vật bị thu giữ tại, kết luận giám định, lời khai của người làm

chứng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Mặc dù biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lệ thuộc vào chất gây nghiện các bị cáo đã có hành vi tàng trữ 03 viên ma túy loại hồng phiến, có khối lượng 0,311 gam Methamphetamine để cùng nhau sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ quả tang.

Với hành vi tàng trữ khối lượng chất Methamphetamine như trên của bị cáo Lương Thị N đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự. Riêng bị cáo Nông Quốc T phạm tội mới rất nghiêm trọng với lỗi cố ý trong khi bản thân đang còn 03 tiền án gồm: Bản án số 21/HSST ngày 24/7/1991 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân"; Bản án số 21/HSST ngày 20/7/1995 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt 48 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" và buộc Nông Quốc T bồi thường công dân số tiền 16.000.000 đồng; Bản án số 76/HSST ngày 27/12/1999 của TAND tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân" và buộc Nông Quốc T bồi thường công dân số tiền 8.928.000 đồng và đến nay các khoản bồi thường công dân Nông Quốc T chưa được thi hành nên thuộc trường hợp chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo Nông Quốc T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, cho nên thỏa mãn yếu tố cầu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ Luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã truy tố và đề nghị xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm các quy định của Nhà nước trong độc quyền quản lý đối với các chất ma túy và bị pháp luật hình sự nghiêm cấm, mà còn là nguyên nhân gây phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và bị xã hội lên án gay gắt. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có đủ nhận thức về pháp luật, am hiểu đời sống xã hội nhất định. Bị cáo N có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Riêng bị cáo T có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết, phạm tội mới trong khi đang còn 03 tiền án đã thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và trong quá trình giải quyết vụ

án các bị cáo đều có thái độ thành khẩn trong khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với tình tiết tích cực hợp tác trong việc tố giác, phát hiện tội phạm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch xác nhận sự việc bằng văn bản vào ngày 22/7/2021 (BL: 174) thì tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận không quen biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của đối tượng Lưu Sỹ T; đồng thời không có ý gì về việc cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo vì không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở để quyết định áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng; xét thấy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng....*". Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có nguồn thu nhập ổn định, cho nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng do Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, sau đó xử lý trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do không liên quan đến hành vi phạm tội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không xem xét gì thêm. Đối với khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và 01 chai nhựa bị đục lỗ chất cấm tàng trữ, lưu hành và công cụ phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Liên quan đến vụ án, bị cáo T đã khai nhận mua ma túy của đối tượng Hồ Tuấn Anh, nhưng quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xử lý. Vì vậy đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, đấu tranh làm rõ để xử lý khi có đủ căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Quốc T và Lương Thị N phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

**2.** Về hình phạt:

- *Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*:

+ Xử phạt: Nông Quốc T **06** (Sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (11/5/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2021) theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- *Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*:

Xử phạt: Lương Thị N **12** (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (11/5/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2021) theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

**3.** Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì thư dán kín, được đóng dấu niêm phong có số 714/GĐ-PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, bên trong chứa khối lượng Methamphetamine hoàn lại sau giám định và 01 chai nhựa bị đục lỗ.

Các vật chứng nêu trên, có số lượng đặc điểm được mô tả chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 25/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch.

**4.** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nông Quốc T và Lương Thị N mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

**5.** Quyền kháng cáo: Bị cáo mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2021); người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh QB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng PV 06 CA tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA, VP, THA.

*(Đã ký)*

**Trần Trung Thành**